

Bản án số: 91/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 9 -2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Quang

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Như L (Út Lùng), sinh năm: 1965 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã H, huyện B, tỉnh T.

Địa chỉ hiện nay: Ấp L, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

- Bị đơn: Bùi Thanh T, sinh năm: 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 29/5/2019, bản tự khai ngày 20/8/2019, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Như L (Út Lùng), trình bày:

Bà và ông Bùi Thanh T cưới nhau năm 1986, có đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 07 năm 2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu về đánh đập và hành hạ bà. Bà và ông T ly thân từ tháng 07 năm 2011 đến nay, mỗi người sống riêng. Quá trình chung sống bà và ông T chung sống có với nhau 02 con chung tên Bùi Thanh S, sinh ngày: 20/8/1992 và Bùi Thị Ngọc G, sinh ngày: 25/12/1994. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành. Tài sản chung: Để bà và ông T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Bà Trần Thị Như L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với ông Bùi Thanh T.
- Về con chung: 02 con chung đều đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Để bà và ông T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải đề ngày 20/8/2019, bị đơn ông Bùi Thanh T trình bày:

Ông và bà Trần Thị Như L cưới nhau năm 1986 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến năm 2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông có uống rượu và gây chuyện với vợ con nên từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm. Ông và bà L ly thân từ tháng 07 năm 2011 đến nay, mỗi người sống riêng. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông, ông không đồng ý vì ông còn thương vợ, bà L, cho ông thời gian để sửa đổi và hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Ông và bà L chung sống có với nhau 02 con chung tên Bùi Thanh S, sinh ngày: 20/8/1992 và Bùi Thị Ngọc G, sinh ngày: 25/12/1994. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành. Tài sản chung: Để tự thỏa thuận phân chia. Nợ chung: Không có.

Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 20/8/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Bùi Thanh T có đơn yêu cầu giải quyết (Xét xử) vắng mặt đề ngày 20/8/2019. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Như L (Út Lùng) và ông Bùi Thanh T cưới nhau năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre năm 1996, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T uống rượu gây chuyện với vợ con dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm. Điều này ông T cũng thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án (Tại bản tự khai và biên bản hòa giải) nên Hội đồng xét xử công nhận. Bà L và ông T khai thống nhất ly thân từ tháng 11 năm 2011 đến nay, mỗi người sống riêng, không hàn gắn lại tình cảm. Ông T xin bà L cho thời gian để ông sửa đổi và hàn gắn, đoàn tụ lại tình cảm với bà L nhưng không được bà L đồng ý. Bà L và ông T ly thân thời gian đã lâu từ năm 2011 đến nay. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Bà Trần Thị Như L và ông Bùi Thanh T khai thống nhất chung sống có với nhau 02 con chung tên Bùi Thanh S, sinh ngày: 20/8/1992 và Bùi Thị Ngọc G, sinh

ngày: 25/12/1994. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Tài sản chung:

Bà Trần Thị Như L và ông Bùi Thanh T đều thống nhất để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Nợ chung:

Bà Trần Thị Như L và ông Bùi Thanh T khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà L phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Trần Thị Như L (Út Lùng).
2. Bà Trần Thị Như L (Út Lùng) được ly hôn với ông Bùi Thanh T.
3. Về con chung: 02 con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét đến.
4. Tài sản chung: Bà Trần Thị Như L (Út Lùng) và ông Bùi Thanh T đều thống nhất để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Nợ chung: Bà Trần Thị Như L (Út Lùng) và ông Bùi Thanh T khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Như L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.300.000 đồng (Chín triệu ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai số 0003514, 0003515 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, bà L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Bà Trần Thị Như L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Bùi Thanh T vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- UBND xã Long Hòa (Quyển số 04, số 166/1996);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương